



EDITION VN 2025.02



NEXGEN

“The Next Generation of The Fluid Solution”

Giải pháp cho chất lỏng Thế Hệ Mới

Với bề dày kinh nghiệm, chúng tôi không ngừng tìm kiếm những phương pháp và ý tưởng mới để phát triển các sản phẩm và hệ thống có ưu thế vượt trội.

Trong bối cảnh ngành công nghiệp sản xuất liên tục thay đổi: “quy trình mới xuất hiện, vật liệu mới được phát triển”, mọi thứ đều đang trong quá trình tịnh tiến. Chính vì vậy, chúng tôi luôn chuẩn bị cho sự thay đổi và tương lai phía trước.

Industry

Ô tô và phụ tùng

Tấm pin mặt trời

Điện tử

Pin

PCBA



Hệ thống Dispensing cho vật liệu Độ nhớt cao



Quá trình Dispensing

Dẫn nhiệt
Sealing (CIPG- Đóng rắn tại chỗ)
Encapsulation - Bọc bảo vệ
Molding - Tạo khuôn
Lubricating - Bôi trơn
Metering - Đo lường
Filling/Packaging - Đổ đầy/ đóng gói
Adhesive - Kết dính

Xử lý vật liệu

Chất dẫn nhiệt (TIM)
Structural Sealants - Keo kết cấu
Keo gốc Silicone/Epoxy/Urethane
Keo Acrylic
Vật liệu 1/2 thành phần
Mỡ bôi trơn (Grease)

Mixing

Potting

Dotting

Beading

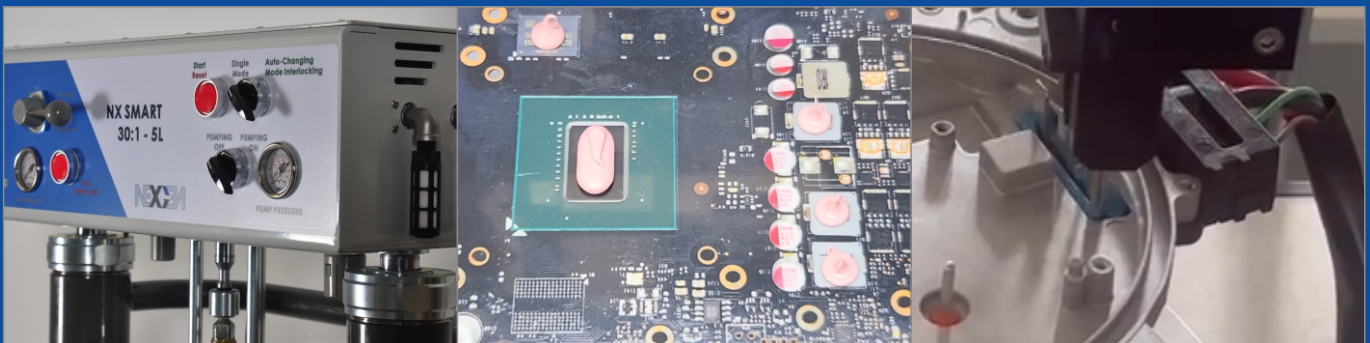
Metering

Spreading



TIM

Ứng dụng

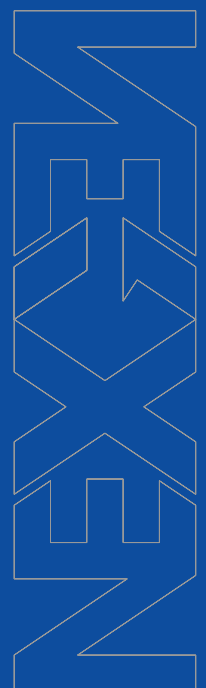


Không Duy trì áp suất

Tối đa chỉ 1MPa
trong toàn bộ khu vực áp suất

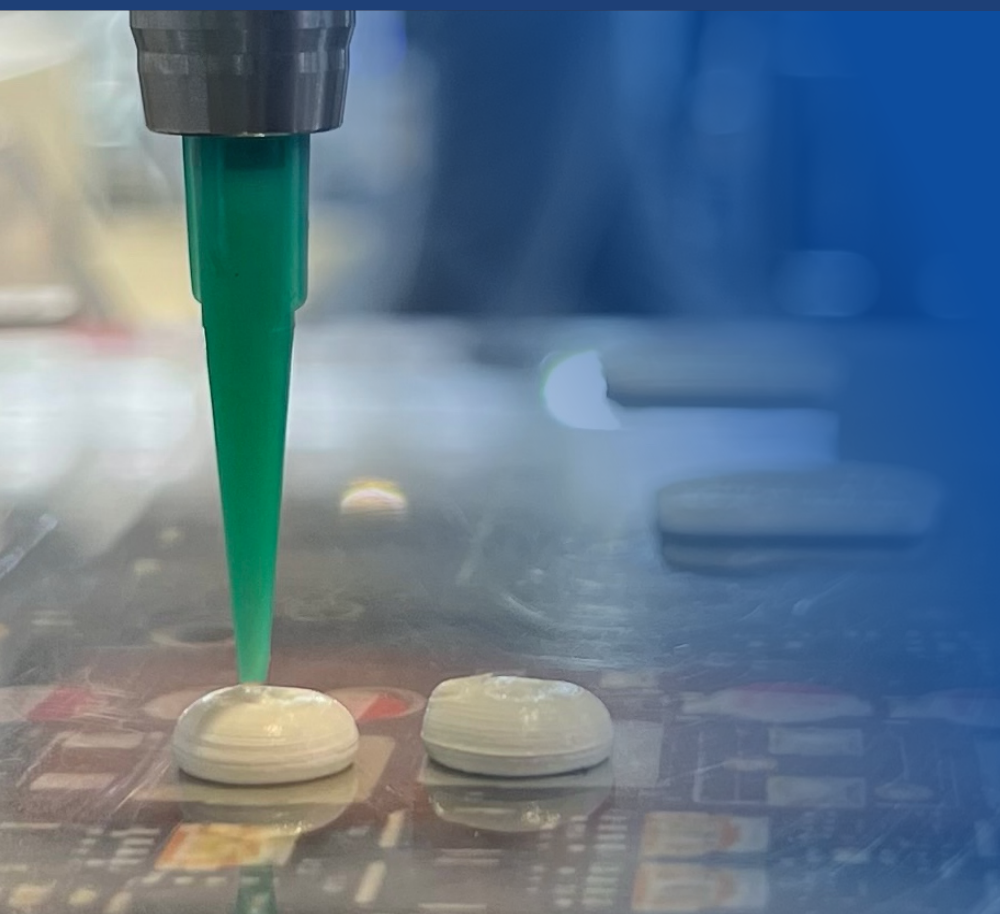


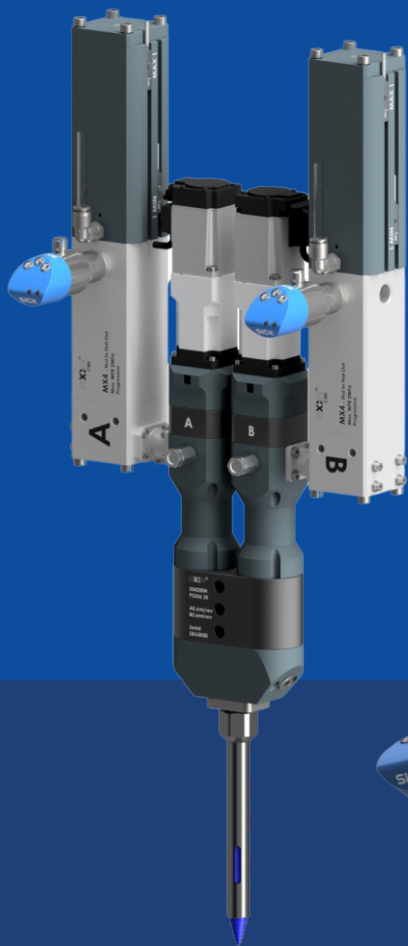
Ngăn ngừa Rủi Ro Tách Lớp Vật Liệu



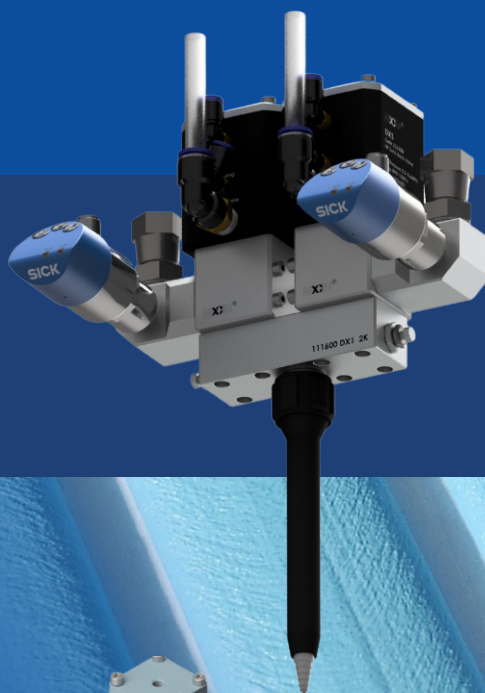
Chính xác
Bền vững
Chi phí bảo trì thấp
Không gây tách lớp vật liệu

1K

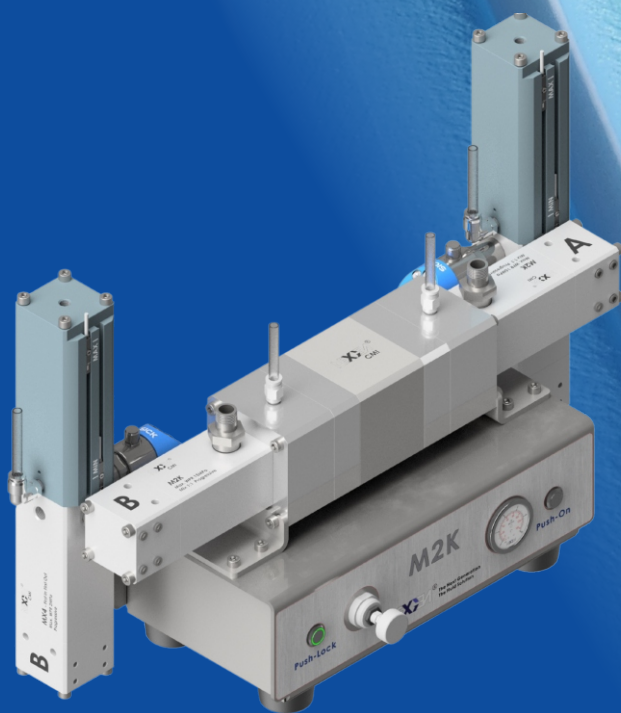




Bền vững
Tỉ lệ chính xác 1:1
Chi phí bảo trì thấp
Không gây tách lớp vật liệu



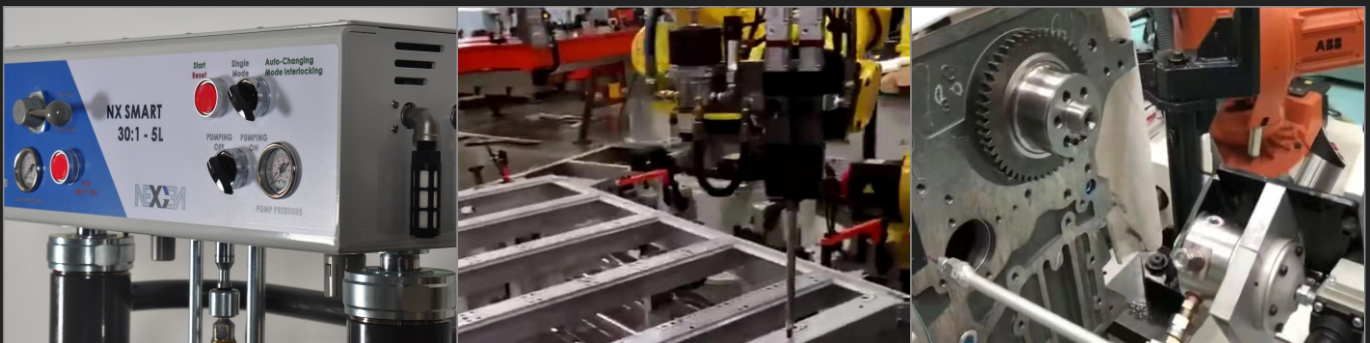
2K

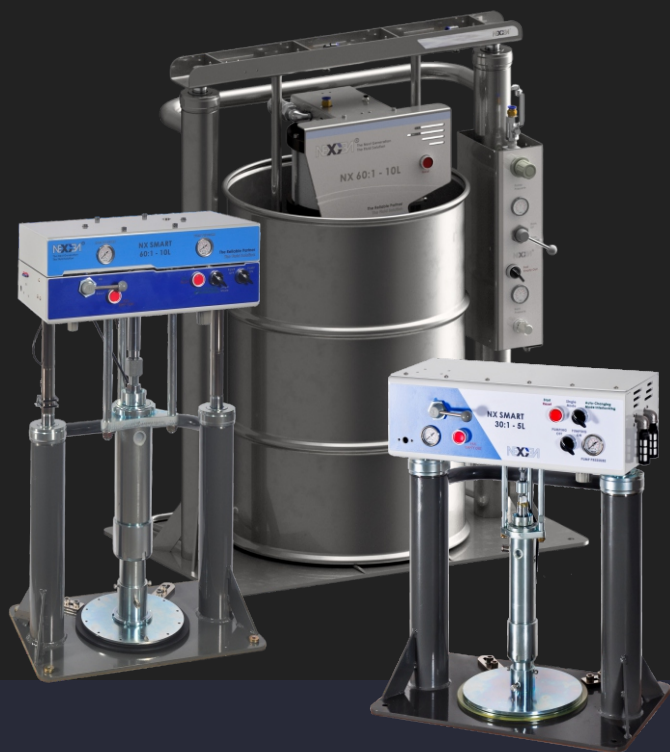




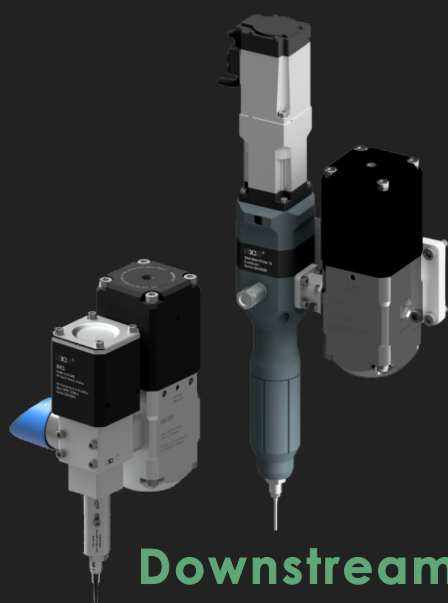
CIPG / FIPG

Ứng dụng





Hệ thống Cấp Liệu Hiệu Quả Cao



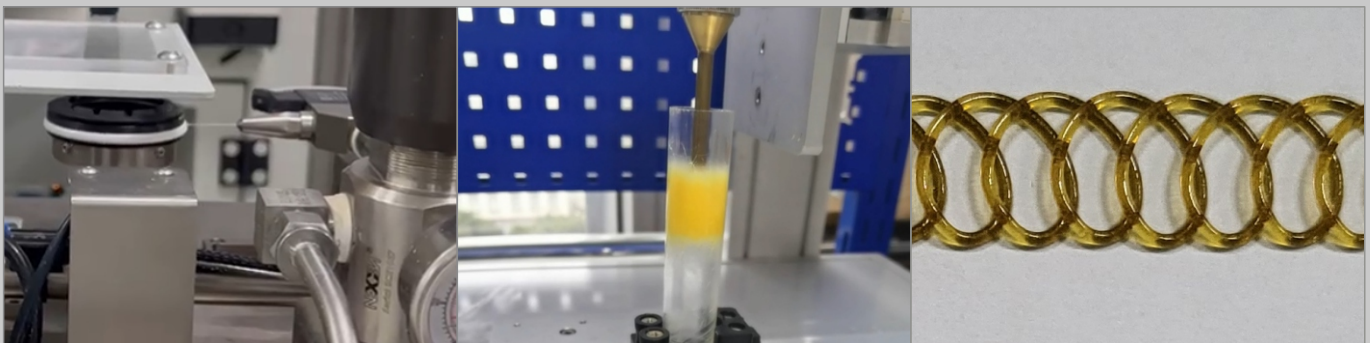
Downstream Upstream





Mỡ bôi trơn

Ứng dụng

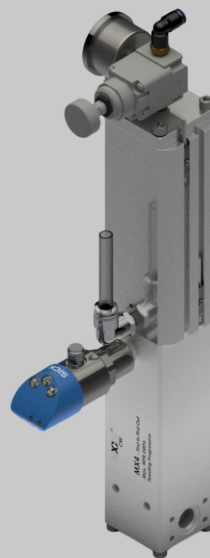
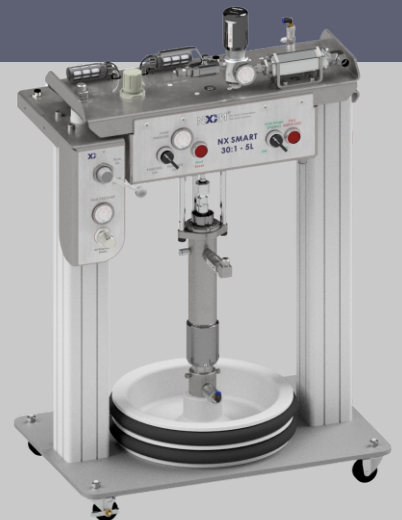


Không Duy trì áp suất

Tối đa chỉ 1MPa
trong toàn bộ khu vực áp suất



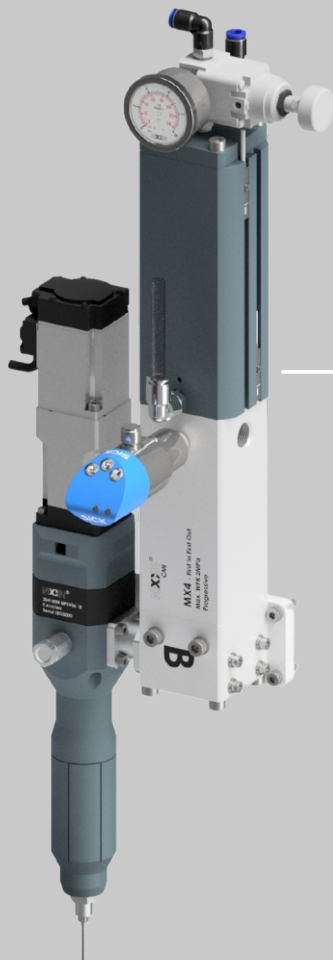
Ngăn ngừa Rủi ro Tách Dầu





NX - MX4

Điều chỉnh trực tiếp





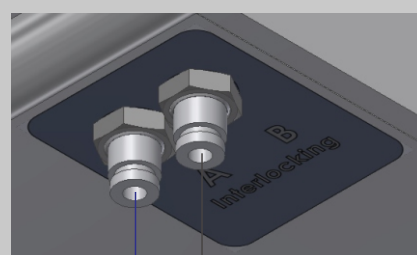
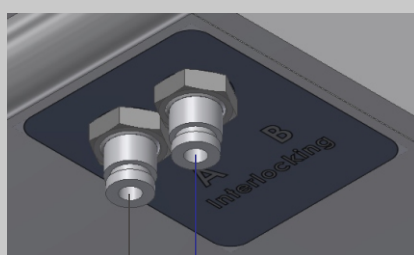
Cấp liệu Liên tục - Hiệu quả

Liên kết Cấp liệu liên tục Thiết bị cấp liệu NX Smart Series

ON : Working 

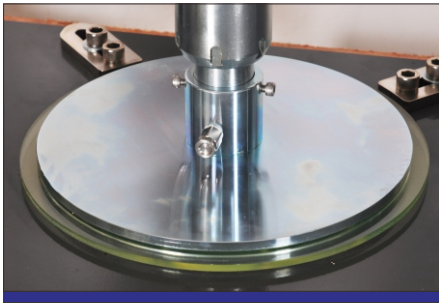
ON : Ready 

Flash : Hết vật liệu & Tự động chuyển đổi 



A to B

B to A



Hệ Thống Bơm Dòng NX

Nhỏ gọn, Tích hợp, Thông Minh hơn
Ứng dụng rộng hơn

NX Smart Series

Dòng Bơm Tối Ưu NX Smart được thiết kế cho hệ thống cấp liệu cải tiến. Xử lý các loại keo có độ nhớt và tính chất đa dạng. Giao diện người dùng thuận tiện và an toàn.

- Ứng dụng phân phối keo chính xác
- Ứng dụng cho keo có đặc tính hóa học cao
- Ứng dụng rộng rãi hơn cho keo có độ nhớt Cao/ Thấp
- Ứng dụng cho keo dẫn nhiệt

Ưu điểm

Mạnh mẽ/ Chống ồn

Hệ thống cấp liệu NX là hệ thống cấp vật liệu sử dụng bơm piston hoạt động bằng khí nén. Dùng cho nhiều loại keo có độ nhớt khác nhau trong quy trình sản xuất. Tạo môi trường làm việc thuận tiện hơn trong nhà máy.

Tăng tuổi thọ bơm dưới (Lower Pump)

Tiết kiệm thời gian bảo trì.

Cấp liệu hiệu quả cho các loại keo có độ nhớt cao chứa chất độn (glues having gap filler).

Module tích hợp

Tất cả chức năng trong 1 thiết bị.

Cung cấp áp suất, điều chỉnh áp suất, ngắt áp suất, lọc, theo dõi liều lượng, dừng bơm tự động và cấp liệu liên tục bằng hệ thống tự động chuyển đổi.

Ngăn ngừa không khí lọt vào bơm dưới

Quá trình bơm sẽ tự động dừng khi thùng keo chạm tới ngưỡng thấp nhất.

Hiệu quả tối đa và chi phí cho hệ thống hợp lý

Đừng lãng phí thời gian cho việc dừng hệ thống để thay thùng, rồi cài lại thiết bị khi hết keo.

Tất cả các bơm dòng NX Smart sẽ hoạt động theo yêu cầu, bạn hoàn toàn có thể lựa chọn chế độ cấp đơn hoặc cấp liệu liên tục.

Hệ thống chiếm diện tích nhỏ trong dây chuyền sản xuất

Hệ thống cấp liệu NX không có thiết bị điều khiển bổ xung.

Là hệ thống chuyển đổi tự vận hành.

Hãy cân nhắc lựa chọn hệ thống nhỏ gọn này trong thiết kế dây chuyền sản xuất của bạn.





Số hiệu của dòng NX Smart

C	2	B	1	1	1
----------	----------	----------	----------	----------	----------

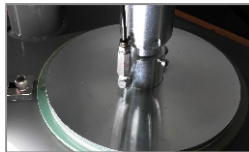
Số 1 : Dòng bơm dưới(Lower pump).

C - Tối ưu tuổi thọ bơm dưới
S - Bơm cấu tạo từ thép không gỉ



Số 2 : Mẫu bơm dưới.

2 - NXA100 30:1 / 50cc
3 - NXA050 12:1 / 50cc
4 - NXA100 25:1 / 55cc(ball type)
5 - NXA050 10:1 / 55cc(ball type)
6 - NXA050A 12:1 / 10cc
7 - NXA500 60:1 / 10LPM
8 - NXA300 37:1 / 10LPM
9 - Tùy chỉnh



Số 3: Loại tấm nén(Platent).

A - 1Gallon tiêu chuẩn
B - 5Gallon tiêu chuẩn(tiết kiệm vật liệu)
C - 5Gallon HV(Vật liệu có độ nhớt cao hơn 800,000cps)
D - 55Gallon
E - 50~60L
F - Loại đứng như bơm trung chuyển(không có tấm nén)
G~Z - Tùy chỉnh theo kích thước/ thiết kế thùng vật liệu

Số 4 : Tùy chọn (Kiểm soát áp suất).

0 - Trống
1 - R5025P (Giảm chấn/Kiểm soát/Ngắt áp suất)



Số 5 : Tùy chọn (bộ phân phối, bộ lọc).

0 - Trống
1 - Bộ lọc trạm(không lưới) SST
2 - Bộ lọc trạm(#30) SST
3 - Bộ lọc trạm(#60) SST
4 - Bộ lọc trạm(#100) SST



Số 6 : Đèn tín hiệu.

0 - Trống
1 - Đèn tín hiệu(24DCV)



Thông số kỹ thuật

Dòng thiết bị phân phối NX Smart

Model	C2/S2	C3/S3	C6/S6	C7	C8
Áp suất cổng cấp khí tối đa (MPa/psi)	0.7 / 100				
Tỉ lệ áp suất	30:1	12:1	12:1	60:1	37:1
Lưu lượng (LPM)	5		1	10	
Độ nhớt khả dụng tối đa (cps)	1,000,000	600,000	300,000	2,000,000	
Mật độ khả dụng tối đa (g/cc)	4				
Kích thước cổng ra của chất lỏng	PT(f) 1/2"			PT(f) 1"	
Trọng lượng (kgs)	90			126	

Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng :

Max Life Lower Model : Stainless steel, Carbon steel, PTFE, UHMWPE.
Stainless steel Lower Model : Stainless steel, Ceramic, PTFE, UHMWPE.



S Pump

Thiết bị bơm nhỏ gọn, với thép không gỉ bền bỉ
Phù hợp cho đơn vị vật liệu 1kg ~ 1Gal

S Pump - Hệ 2 Ứng dụng cho keo trám Gap Filler

Bơm S pump được thiết kế với độ bền hoàn hảo, đặc biệt cho các loại keo dẫn nhiệt 1K/2K mật độ cao. Nhỏ gọn, phù hợp với những đơn vị vật liệu 1kg~1gal.

Trải nghiệm hệ thống cấp liệu keo trám(Gap Filler) hoàn hảo.

- Ứng dụng cho phân phối keo chính xác
- Ứng dụng cho keo có đặc tính hóa học cao
- Ứng dụng rộng rãi hơn cho keo có độ nhớt Cao/ Thấp
- Ứng dụng cho keo dẫn nhiệt

Ưu điểm

Cấp liệu cho vật liệu có Độ Nhớt Cao

Dòng bơm S Pump được thiết kế để cấp liệu những loại vật liệu có độ nhớt cao, cho các đơn vị vật liệu nhỏ hơn 1gallon. Phù hợp cho mọi vật liệu có độ nhớt/ mật độ cao.

Tối đa hóa tuổi thọ với thanh Piston Ceramic

Thiết kế bên trong của bơm S Pump với cấu trúc thanh Piston đặc biệt giúp tăng độ bền, đồng thời kéo dài tuổi thọ đáng kể nhờ khả năng chống mài mòn cao. Lý tưởng cho các vật liệu dẫn nhiệt 1K/2K có mật độ cao.

Chất liệu thép không gỉ

Chống chịu hóa chất tuyệt vời. Phù hợp cho các loại keo có thành phần hóa học cao như keo acrylic/acrylate.

Oil Cup & Phốt tự chỉnh lực

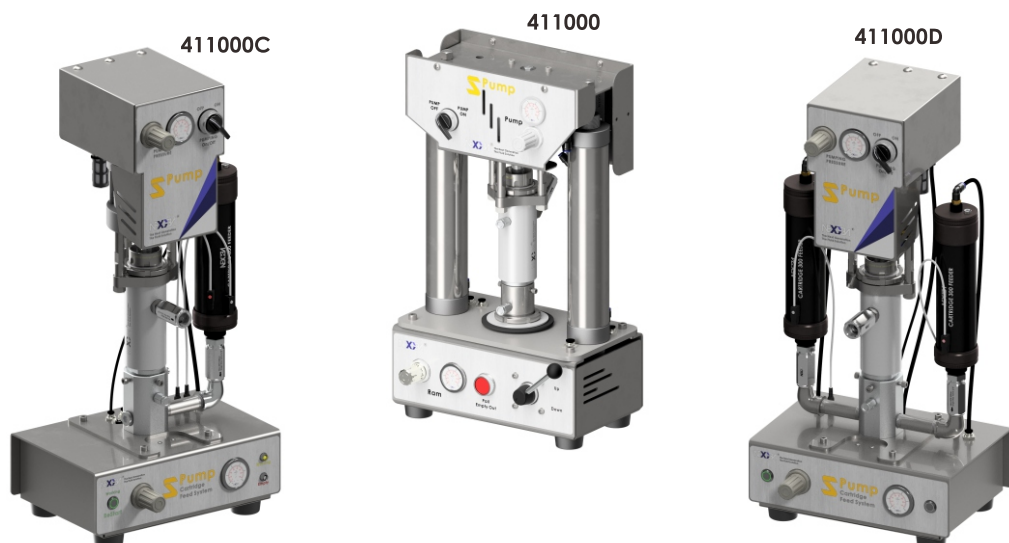
Phốt dầu bôi trơn có thể dùng để tránh tình trạng dính, cũng như bảo vệ khỏi hơi ẩm.

Cấu trúc xếp chồng đặc biệt của phốt bộ V giúp tự động điều chỉnh lực làm kín mà không cần thao tác thủ công, giúp tăng tối đa tuổi thọ của phốt.

Nhỏ gọn

Bơm S pump có kích thước nhỏ hơn, với giao diện thân thiện người dùng và dễ bảo trì.

Tuy nhiên, vẫn đảm bảo khả năng cấp liệu rất mạnh mẽ. Là lựa chọn lý tưởng cho hệ thống cấp liệu để bàn.



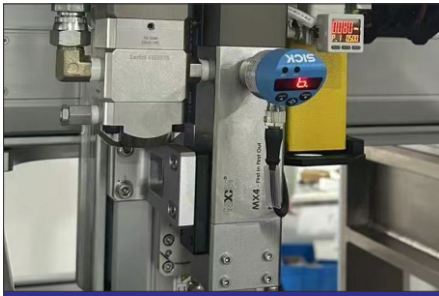


Thông số kỹ thuật

S Pump- Hệ 2

Model	S Pump	S Pump Cartridge Feed Single	S Pump Cartridge Feed Double-Auto
Mã sản phẩm	411000	411000C	411000D
Độ nhớt khả dụng tối đa(cps)	1,000,000	300,000	
Mật độ khả dụng tối đa(g/cc)	4		
Áp suất cổng cấp khí(MPa)	0.3~0.7		
Áp suất chất lỏng đầu ra tối đa(MPa)	8.4		
Lưu lượng(cc/cycle)	10		
Kích thước cổng ra của chất lỏng	1/2"		
Khối lượng(kgs)	32	20	21
Kích thước(mm)	340x240x590	320x250x655	
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Ceramic, Stainless steel, PTFE, UHMWPE		





Bơm tăng áp thứ cấp - 1K

Thiết bị cấp liệu Ceramic FIFO

Ngăn ngừa hiện tượng tách lớp vật liệu trong hệ thống

MX4

MX4 được thiết kế cho các giải pháp công nghiệp, ứng dụng cấp liệu cho vật liệu có độ nhớt cao, với hiệu suất đáng tin cậy. Đặc biệt cho các quá trình dispensing có lưu lượng lớn và tốc độ cao.

- An toàn khỏi việc tách lớp vật liệu(TIM)
- Tank phụ trong hệ thống cấp liệu liên tục
- Vào trước ra trước - First In First Out
- Cấp liệu với áp suất chính xác và độ bền đáng tin cậy

Ưu điểm

An toàn khỏi việc tách lớp vật liệu(TIM)

Đặc biệt là với các vật liệu tản nhiệt, khi mà thành phần dầu dễ bị tách khỏi vật liệu trong hệ thống điều áp. Các thành phần của hai hệ thống NX và MX4 có khả năng phối hợp với nhau, giúp ngăn ngừa sự cố này.

Đóng vai trò như bơm phụ trong hệ thống cấp liệu liên tục

Có thể đóng vai trò như một hệ thống bơm thay thế trong quá trình tự động chuyển đổi vật liệu. Nhất là với quy trình dispensing hoạt động trong dây chuyền tự động hóa.

Vào trước, ra trước - First In First Out

MX4 hoạt động theo nguyên lý FIFO, giữ vật liệu ở trạng thái mới nhất.

Cấp liệu với áp suất chính xác và độ bền đáng tin cậy

Bơm thứ cấp MX4 sẽ điều chỉnh áp suất của vật liệu trong hệ thống cấp liệu sơ cấp thành chính xác áp suất tiêu chuẩn mà hệ thống dispensing cần.

Ngoài ra, Piston bằng Ceramic(Ceramic Plunger) sẽ đảm bảo độ bền tối đa.



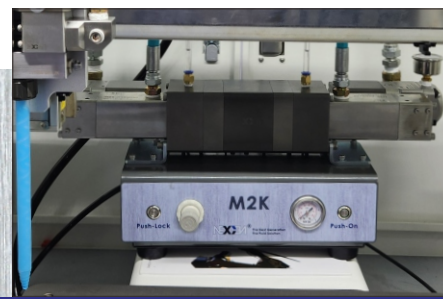
Thông số kỹ thuật

MX4

Model	MX4 (Cổng vào vật liệu cố định) 112500	MX4 (Cổng vào vật liệu tự do) 112500A
Phạm vi áp suất cổng cấp khí(MPa)	0.1~1.0	
Dung tích nạp tối đa(cc)	60	
Tỉ lệ áp suất	4:1	
Kích thước cổng cấp khí	PT(f) 1/8"	
Kích thước cổng vào/ cổng ra của chất lỏng	PT(f) 3/8"	
Kích thước cổng sensor	PT(f) 1/4"	
Khối lượng(kgs)	4.5	
Kích thước(mm)	61x56x345	
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Ceramic, Stainless steel, Tungsten carbide, FKM, PU	

Bơm tăng áp thứ cấp - 2K

Thiết bị cấp liệu FIFO từ Ceramic/Tungsten Carbide
Hệ thống tỉ lệ 1:1 cho vật liệu 2K



M2K

M2K được thiết kế cho các giải pháp công nghiệp, đặc biệt xử lý vật liệu TIM hai thành phần - 2K một cách ổn định. Và ứng dụng với các quá trình dispensing khối lượng lớn hoặc tốc độ cao.

- An toàn khỏi việc tách lớp vật liệu(TIM)
- Tỉ lệ chính xác 1:1
- Vào trước ra trước - First In First Out
- Cấp liệu với áp suất chính xác và độ bền đáng tin cậy

Ưu điểm

An toàn khỏi việc tách lớp vật liệu(TIM)

Đặc biệt là với các vật liệu tản nhiệt, dễ xảy ra tách dầu trong hệ thống điều áp. NX, MX4, và M2K - các thành phần tích hợp của hệ thống 2K có khả năng phối hợp với nhau, giúp ngăn ngừa sự cố này.

Hệ thống cấp liệu tăng áp 1:1 - liên tục

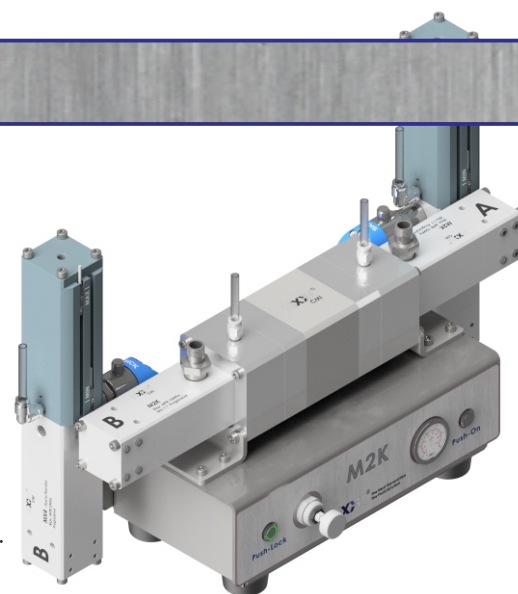
Hệ thống cấp liệu sơ cấp NX Series sẽ hoạt động trong điều kiện thông thường không giữ áp suất để cấp liệu vật liệu TIM. Hệ thống bơm thứ cấp kết hợp MX4 và M2K sẽ cung cấp vật liệu liên tục một cách chính xác theo tỉ lệ 1:1 tới DX1 2K.

Vào trước, ra trước - First In First Out

MX hoạt động theo nguyên lý FIFO, giữ vật liệu ở trạng thái mới nhất.

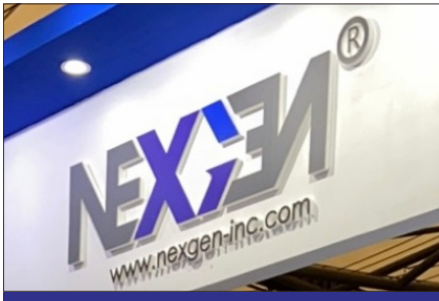
Cấp liệu với áp suất chính xác và độ bền đáng tin cậy

Bơm thứ cấp M2K sẽ điều chỉnh áp suất trong hệ thống cấp liệu sơ cấp, thành chính xác áp suất tiêu chuẩn mà hệ thống dispensing cần. Ngoài ra, tất cả các bộ phận quan trọng được làm từ ceramic và tungsten carbide.



Thông số kỹ thuật M2K

Model	M2K 113100
Phạm vi áp suất cổng cấp khí(MPa)	0.1~1.0
Thể tích xả vật liệu tối đa(cc/s)	20
Áp suất xả vật liệu tối đa(MPa)	6
Tỉ lệ trộn	1:1
Kích thước cổng vào/ cổng ra của chất lỏng	PT(f)3/8"
Kích thước cổng cấp khí(OD:mm)	10
Khối lượng(kgs)	20
Kích thước(mm)	540x180x230
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Ceramic, Stainless steel, Tungsten carbide, FKM, PU



Thiết bị cấp liệu Cartridge

Thiết bị cấp liệu Cartridge 300~330cc
Đơn giản và dễ sử dụng cho sản xuất thử nghiệm

Thiết bị cấp liệu Cartridge 300

502300A - Ext. Level Signal

Ưu điểm

Hệ thống đơn giản

Giúp bạn thử nghiệm ứng dụng của vật liệu.
Thử nghiệm với Cartridge trước để xác định tính chất của vật liệu.

Thông báo tín hiệu khi keo hết

Chức năng này cho phép bạn nhận biết khi keo sắp hết.
Có thể áp dụng với nhiều hệ thống rơ le khác nhau theo yêu cầu.

Khả năng chống hóa chất/ vật liệu cấu tạo phi kim loại

Tất cả các bộ phận tiếp xúc với chất lỏng đều được làm từ các vật liệu có khả năng chống hóa chất mạnh mẽ và vật liệu phi kim loại.

Dễ dàng bảo trì

Thiết kế mang lại sự thoải mái, dễ dàng cho người sử dụng trong việc thay thế, làm sạch và bảo trì.



Thông số kỹ thuật

300 Cartridge Feeder

Model	300 Feeder - Ext. Level Signal 502300A
Áp suất tối đa cổng cấp khí(MPa/psi)	0.7 / 100
Kích thước cổng cấp khí	PT(f) 1/8"
Đầu ra tín hiệu	24DCV
Kích thước cổng ra của chất lỏng	PT(f) 1/4" ~ 1/2"
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	POM, FKM



Van Điều Áp

Xem trang tiếp theo



Kiểm soát áp suất - 3 trong 1

Van điều áp cải tiến 3 trong 1
Kiểm soát theo cơ chế Positive

R5025P / R5006P / R5003P

Các van điều áp 3 trong 1 được thiết kế cho việc xử lý nhiều loại vật liệu có độ nhớt cao, như điều áp, ngắt dòng, kiểm soát dòng một chiều,... Giúp xây dựng hệ thống theo cách sáng tạo và đổi mới.

- Điều khiển áp suất chính xác, giảm thiểu sự dao động dòng chảy
- Ngăn chặn áp suất ngược
- Tích hợp chức năng ngắt dòng
- Độ bền cao

Ưu điểm

Là hệ thống thành phần inline đơn giản

Thực hiện ý tưởng sáng tạo của bạn một cách đơn giản. 3 chức năng trong 1 sản phẩm.

Dispensing chất lượng

Giúp bạn thiết lập các công việc dispensing nhạy cảm, dưới điều kiện áp suất ổn định.

Lắp đặt dễ dàng trên hệ thống

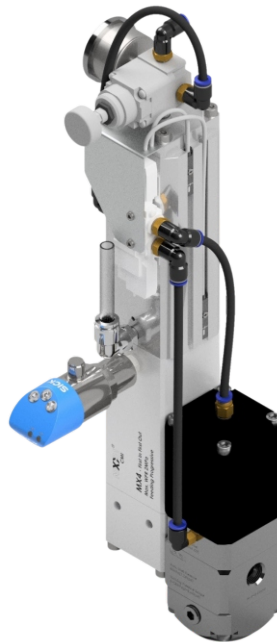
Thiết kế bên ngoài không bị hạn chế cho phép lắp đặt các mẫu R50 dễ dàng theo bất kì hướng nào trên dây dẫn. Tối ưu thiết kế cho kích thước và trọng lượng nhỏ gọn, ứng dụng cho bơm keo thể tích lớn và độ nhớt cao.

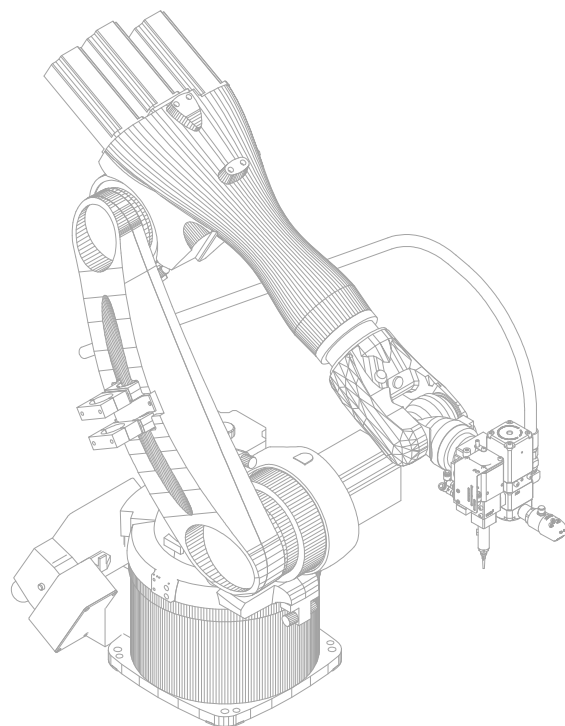
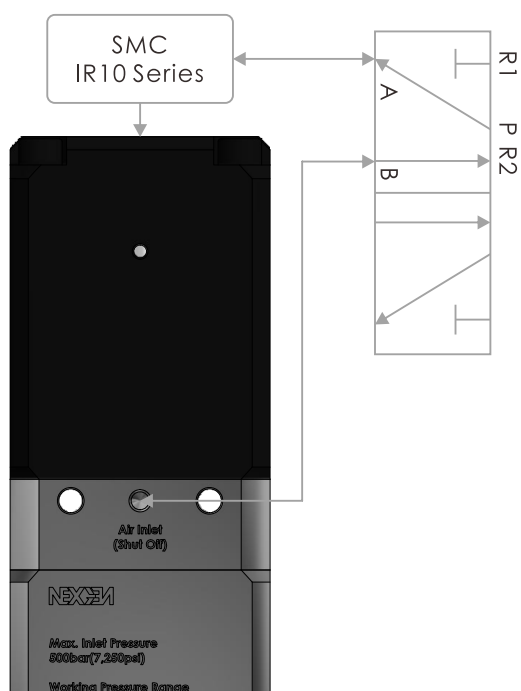
Độ bền vượt trội

Được thiết kế bên trong với bi(ball) và đế van(seat) làm từ tungsten carbide, ứng dụng kiểm soát dòng chảy của các vật liệu có tính mài mòn.

Khả năng chống chịu mạnh mẽ với phản ứng hóa học

Chế tạo từ thép không gỉ, phù hợp với nhiều loại keo, đặc biệt là keo acrylic.





Thông số kỹ thuật

Van điều áp 3 trong 1

Model	R5025P 306100	R5006P 306200	R5003P 306300
Độ nhót tối đa(cps)	1,000,000		
Áp suất chất lỏng đầu vào tối đa(MPa)	50		
Áp suất cổng cấp khí(MPa)	0~1		
Kích thước cổng cấp khí	1/8" / M5(shut-off)		
Phạm vi điều áp(MPa)	3~25	0.6~5	0.5~3
Kích thước cổng vào của chất lỏng	3/8"		
Kích thước cổng ra của chất lỏng	3/8" (sensor 1/4")		
Kích thước(mm)	60x60x170		
Trọng lượng(kgs)	3		
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Tungsten carbide, PTFE, FKM, PU, Stainless steel		



Kiểm soát áp suất - Negative

Van điều áp chính xác
Kiểm soát theo cơ chế Negative

R5001P / R5005P

Những van điều áp lý tưởng cho quá trình dispensing chính xác cao, xử lý keo nhạy cảm với áp suất. Điều chỉnh áp suất tại giai đoạn 2(van điều áp thứ cấp) giúp việc lắp đặt và điều chỉnh dễ dàng hơn.

- Kiểm soát áp suất chính xác tại giai đoạn 2

Ưu điểm

Dispensing chất lượng

Giúp bạn thiết lập các công việc dispensing nhạy cảm, dưới điều kiện áp suất ổn định.

Lắp đặt dễ dàng trên hệ thống

Thiết kế bên ngoài không bị hạn chế cho phép lắp đặt các mẫu R50 dễ dàng theo bất kì hướng nào trên dây dẫn.

Tối ưu thiết kế cho kích thước và trọng lượng nhỏ gọn, ứng dụng cho bơm keo thể tích lớn và độ nhớt cao.

Độ bền vượt trội

Được thiết kế bên trong với bi(ball) và seat làm từ tungsten carbide.

Khả năng chống chịu mạnh mẽ với phản ứng hóa học

Chế tạo từ thép không gỉ, phù hợp với nhiều loại keo, đặc biệt là keo acrylic.

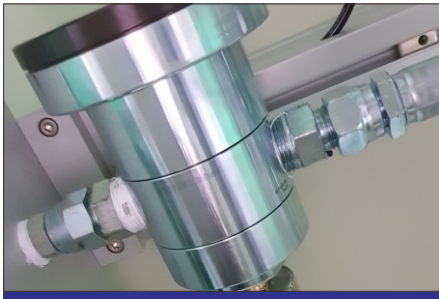




Thông số kỹ thuật

Van điều áp thứ cấp - giai đoạn 2 Negative

Model	R5001P 307300A	R5005P 307500A
Độ nhớt tối đa(cps)	500,000	1,000,000
Áp suất chất lỏng đầu vào tối đa(MPa)	8	
Áp suất cổng nạp khí(MPa)	0~1	
Kích thước cổng nạp khí	1/8"	
Phạm vi điều áp(MPa)	0~0.6	0~5
Kích thước cổng vào của chất lỏng	3/8"	
Kích thước cổng ra của chất lỏng	3-1/4"	
Kích thước(mm)	68x68x103	101x101x160
Khối lượng(gs)	1.4	3
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Tungsten carbide, Stainless steel, PTFE	



Kiểm soát áp suất - Positive

Cung cấp keo thể tích lớn và kiểm soát áp suất
Kiểm soát theo cơ chế Positive

R7030P / R7015P

Các van điều áp(sơ cấp) này hỗ trợ cung cấp keo nhanh chóng ở giai đoạn đầu của hệ thống. Thiết lập áp suất ở giai đoạn đầu giúp đảm bảo an toàn cho việc thiết lập lại áp suất chính xác ở giai đoạn thứ hai, hoặc tái nạp vật liệu theo thể tích dưới điều kiện ổn định.

- Cung cấp vật liệu với thể tích lớn ở giai đoạn 1

Ưu điểm

Kiểm soát đường dẫn áp suất cao

Giúp bạn thiết lập các quy trình dispensing nhạy cảm, dưới điều kiện áp suất ổn định.

Ngăn ngừa áp suất ngược

Ngăn chặn vấn đề áp suất ngược, như việc dòng chảy từ áp suất đầu ra quay ngược lại khu vực đầu vào.

Thể tích lớn và kích thước tối ưu gọn nhẹ

Được thiết kế để tạo ra một hệ thống dispensing nhỏ gọn nhưng vẫn có khả năng cung cấp thể tích lớn.



Thông số kỹ thuật

Van điều áp sơ cấp - giai đoạn 1 Positive

Model	R7030P 305100	R7015P 305200
Độ nhớt tối đa(cps)	1,000,000	
Áp suất chất lỏng đầu vào tối đa(MPa)	50	
Áp suất cổng nạp khí(MPa)	0~1	
Kích thước cổng nạp khí	1/8"	
Phạm vi điều áp(MPa)	3~30	2~15
Kích thước cổng vào của chất lỏng	3/4"	
Kích thước cổng ra của chất lỏng	3/4"	
Kích thước(mm)	104x104x135	
Khối lượng(kgs)	4	
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Carbon steel, PTFE, FKM, PU	

Kiểm soát áp suất - Manual

Điều chỉnh chính xác áp suất tại giai đoạn 2
Kiểm soát theo cơ chế Negative



R50 Series - thao tác thủ công

Van điều áp này lý tưởng cho quá trình phân phối chính xác cao, sử lý keo nhạy cảm với áp suất. Điều chỉnh áp suất tại giai đoạn thứ 2(thứ cấp) giúp việc lắp đặt và điều chỉnh dễ dàng hơn.

■ Kiểm soát áp suất chính xác tại giai đoạn 2

Ưu điểm

Dispensing chất lượng

Giúp bạn thiết lập các quy trình dispensing nhạy cảm, kiểm soát áp suất tại giai đoạn thứ cấp.

Dễ dàng lắp đặt trong hệ thống

Dễ dàng lắp đặt. Tối ưu thiết kế cho kích thước và trọng lượng nhỏ gọn.

Tuổi thọ dài hơn

Bên trong của R50 Series được làm từ tungsten carbide cải thiện độ bền và thời gian hoạt động.

Chế tạo từ thép không gỉ

Khả năng kháng hóa chất vượt trội, phù hợp với các loại keo có thành phần hóa học cao như keo acrylic/acrylate.



Thông số kỹ thuật

Van điều áp thủ công thứ cấp - giai đoạn 2 Negative

Model	R5021M 304100	R5016M 304200	R5012M 304300	R5008M 304400	R5005M 304500	R5003M 304600
Phạm vi áp suất hoạt động	11~21MPa	8~16MPa	5~12MPa	2.5~8MPa	1.5~5MPa	0.4~3MPa
Áp suất chất lỏng đầu vào	Áp suất đầu vào cao hơn 2~6MPa so với áp suất đầu ra					
Độ nhớt khả dụng	1~1,000,000cps					
Vật liệu cấu tạo bên trong	Tungsten carbide					
Kích thước cổng vào của keo	3/8" + 1/4"(Gauge port)					
Kích thước cổng ra của keo	3/8" + 1/4"(Gauge port)					
Trọng lượng(kgs)	1.6					
Kích thước(mm)	54x54x(H160)					
Bộ phận tiếp xúc chất lỏng	Tungsten carbide, Stainless steel, PTFE, PU					

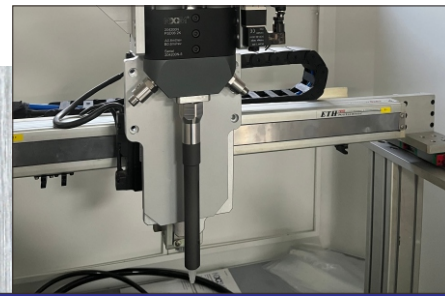


Van Phân Phối

Xem trang tiếp theo

Van định lượng Progressive

Van định lượng thể tích Progressive Dispensing
Metering / Mixing / Dosing chính xác



PSV / PSD

Van phân phối này tập trung vào độ chính xác và chất lượng cao trong quá trình dispensing. Cơ chế định lượng thể tích progressive, được tích hợp cho quá trình metering/mixing/dosing chính xác cùng với hệ thống UI. Hoạt động bằng cách điều chỉnh thể tích.

- Tất cả ứng dụng trong một: Metering / Mixing / Precise dosing

Ưu điểm

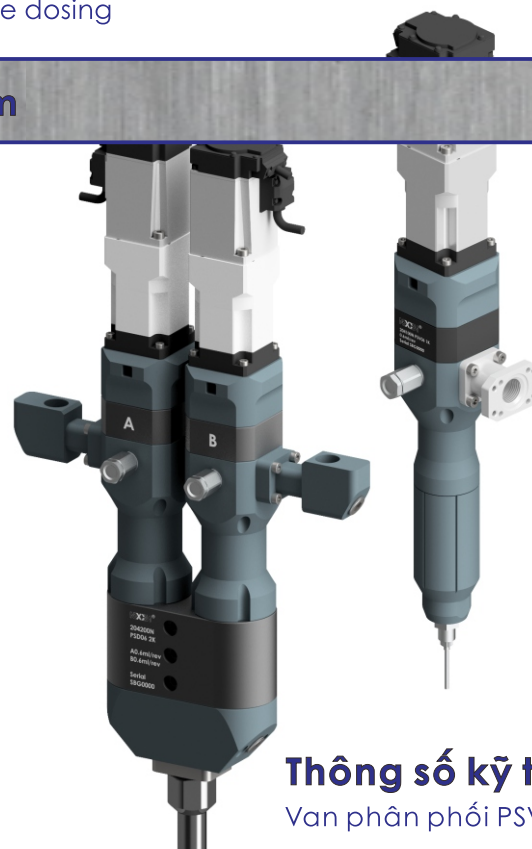
Hệ thống phân phối định lượng tích hợp đơn giản

Giúp đơn giản hóa dây chuyền sản xuất.

Hệ thống phân phối định lượng tích hợp này có thể áp dụng cho nhiều lĩnh vực và ứng dụng khác nhau.

Hệ thống đơn giản, bảo trì dễ dàng

Hệ thống phân phối định lượng này có sẵn giao diện người dùng UI đơn giản. Ứng dụng đa dạng trong việc đo lường, tạo gioăng, trộn chính xác, hoặc những điều bạn yêu cầu.



Thông số kỹ thuật

Van phân phối PSV / PSD

Model	PSV06 1K 204100N	PSD06 2K 204200N
Áp suất chất lỏng đầu vào tối đa(MPa)	1.0	
Tốc độ khuyến nghị (TIM)	In 20rpm	
Tốc độ khuyến nghị (Độ nhớt cao hơn 300,000cps)	Max. 120rpm by MX4, Max. 30rpm by R5003P	
Thể tích phân phối(cc/rev)	0.6	1.2@1:1
Chất liệu của Rotor / Stator	Rotor : Standard/Ceramic Stator : Standard/Oil/Wear/Chemical	
Kích thước cổng ra chất lỏng	PT(f)3/8"	
Khối lượng(kgs)	2.2	5.0
Phạm vi trộn(dựa trên khối lượng)	1K	1:1~5:1
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Stainless steel, Ceramic, AL, PU, FFKM, FKM, NBR, EPDM	



DX1 Series

Hiệu suất bền vững nhất cho RTV và TIM
Ứng dụng cho khối lượng lớn

DX1 1K

Van phân phối DX1 1K dạng hút ngược(suck-back) là lựa chọn lý tưởng cho quá trình cấp liệu nhiều loại vật liệu có độ nhớt cao nhất hoặc keo gap filler.

- Xử lý vật liệu độ nhớt cao, khối lượng lớn
- Tuổi thọ dài hơn dùng cho keo gap filler và RTV
- Điều chỉnh lưu lượng và lượng hút ngược(suck-back)
- Dễ dàng kết nối với các thành phần của hệ thống

Ưu điểm

Độ nhớt cao, Khối lượng lớn

Xử lý nhiều loại vật liệu có độ nhớt cao nhất như keo Sealant, TIM.
Cổng vào chất lỏng 3/8".

Tuổi thọ dài hơn cho keo gap filler và RTV

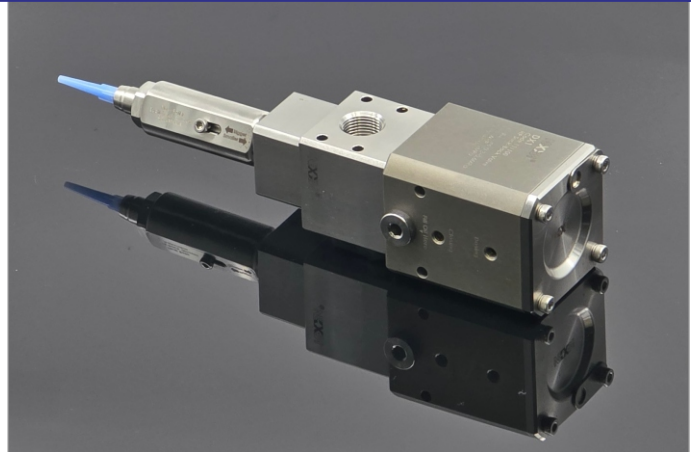
Cấu tạo từ thép không gỉ,
Thanh piston(spool) làm từ ceramic.
Cấu trúc bên trong với thiết kế xếp chồng
giống nhau chữ V cùng với cốc dầu.

Điều chỉnh lưu lượng và lượng suck-back

Lượng nhỏ giọt và lượng hút ngược sẽ bị ảnh hưởng bởi áp suất cấp liệu, tính chất vật liệu, đầu phun, v.v.
Có thể thiết lập và điều chỉnh dễ dàng từ bên ngoài, ngay cả khi độ nhớt của vật liệu A/B chênh lệch cao.

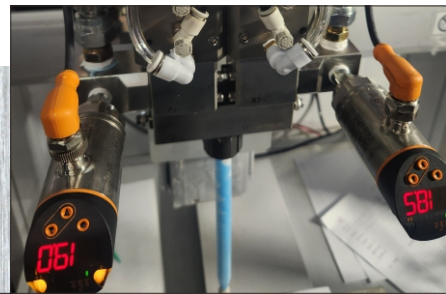
Dễ dàng kết nối

Có thể gắn trực tiếp vào các thành phần hệ thống khác như MX4 hoặc R5006P.
Dễ dàng gắn lên trục Z của robot 3 trục, hoặc đầu gắn của robot 6 trục.



002210 Bộ điều chỉnh suck-back

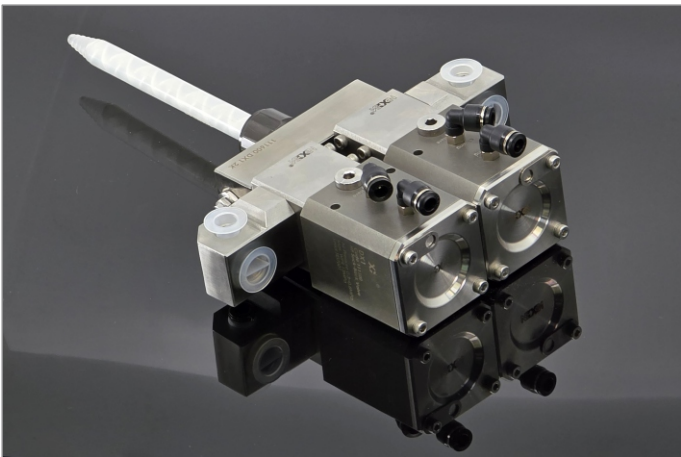




DX1 2K

Van phân phối DX1 2K là dạng van hút ngược(suck-back) tối ưu hóa cho vật liệu TIM 2K trong quá trình phân phối keo gap filler.

- Xử lý vật liệu độ nhớt cao, khối lượng lớn.
- Tuổi thọ dài hơn dùng cho keo gap fillers và keo lưu hóa bằng độ ẩm.
- Điều chỉnh lưu lượng và lượng hút ngược(suck-back).
- Cân bằng lượng và áp suất của vật liệu A/B.



Thông số kỹ thuật

Van phân phối DX1 Series

Model	DX1 1K 111100	DX1 2K 111600
Độ nhớt tối đa(cps)	1,000,000	
Áp suất chất lỏng đầu vào tối đa(MPa)	12	
Áp suất cổng nạp khí(MPa)	0.3~1.0	
Kích thước cổng nạp khí	M5	
Kích thước cổng vào chất lỏng	3/8" (hoặc kết nối trực tiếp)	
Kích thước cổng ra chất lỏng	1/4" (double luer lock)	Static Mixer(bell mouth)
Kích thước(mm)	54x54x135	54x186x161
Khối lượng(gs)	1,400	3,500
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Ceramic, Stainless steel, UHMWPE, FKM, PU	



Van phân phối dòng K Series

Ứng dụng đa dạng
với khả năng Tích hợp máy móc gọn nhẹ

K10 Series 1K

Van phân phối dòng K10 Series 1K có những ưu điểm đặc biệt cho từng model khác nhau.

Ưu điểm

K10DS1 - Van Ceramic

Tối đa tuổi thọ với khả năng chống ăn mòn tuyệt vời.
Van suck-back chịu áp suất cao.

K10DS2 - Van làm từ thép không gỉ

Khả năng chống hóa chất tốt như thép không gỉ.
Van suck-back chịu áp suất cao

K10DS3 - Van kim HV

Ứng dụng phân phối định lượng áp suất cao.
Cấu tạo từ thép không gỉ.

K10DS5 - Van kim TC

Chống ăn mòn mạnh mẽ nhờ kim tungsten carbide.
Chịu áp suất cao.



Thông số kỹ thuật

Van phân phối K10 Series 1K

Model	K10DS1 103100A	K10DS2 103200A	K10DS3 103300A	K10DS5 103800A
Độ nhớt tối đa(cps)	1,000,000		300,000	1,000,000
Áp suất chất lỏng đầu vào tối đa(MPa)	20		5	30
Áp suất cổng nạp khí(MPa)	0.4~1.0			
Kích thước cổng nạp khí	M5			
Kích thước cổng vào chất lỏng	PT(f) 1/4"			
Kích thước cổng ra chất lỏng	1/4" (double luer lock)			
Kích thước(mm)	31x31x125			
Khối lượng(gs)	650			
Bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Ceramic, Tungsten carbide, Stainless steel, FKM, PU			



K20 Series 2K

Van Phân Phối K20 Series 2K thiết bị dispensing kết hợp, phụ thuộc vào yêu cầu thực tế.

Ưu điểm

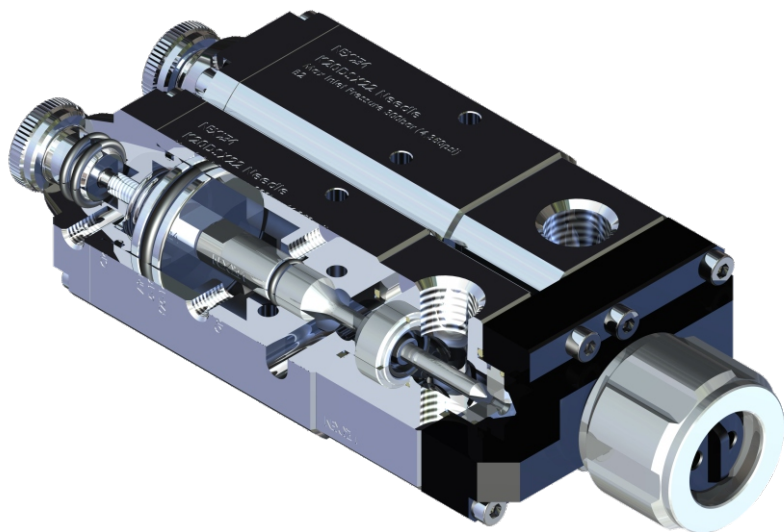
Có nhiều tùy chọn kết hợp Modules 2K khác nhau

Các van phân phối K20 Series 2K được thiết kế để dễ dàng thiết lập chất lượng trộn, bằng cách điều chỉnh độc lập lưu lượng của hai chất lỏng.

Đặc biệt ngay cả khi độ nhớt của từng keo A/B có sự chênh lệch lớn.

Liên hệ với NEXGEN Project TST

Để biết thêm thông tin.





Van định lượng mỡ bôi trơn

Van phân phối theo thể tích
Dưới phạm vi áp suất rộng

MHV1 / MHV3

Dòng van định lượng MHV Series là van phân phối theo thể tích lý tưởng cho quá trình phân phối chất bôi trơn.

- Định lượng chính xác.
- Tăng áp suất phân phối định lượng.
- Điều chỉnh tốc độ phân phối định lượng.

Ưu điểm

Kiểm soát định lượng chính xác.

Dễ dàng thiết lập thể tích phân phối theo yêu cầu định lượng trong quy trình lắp ráp, sản xuất tự động. Phạm vi định lượng từ 10mg ~ 3,000mg.

Tăng áp suất phân phối định lượng(dosing)

Dòng van MHV phân phối định lượng thông qua áp suất khí nén, có thể đặt lại áp suất phân phối mỗi chu kỳ. Làm cho dosing takt time khớp với hệ thống sản xuất thực tế.

Áp suất cao và áp suất thấp

Dòng van định lượng MHV có thể vận hành với nhiều hệ thống cấp liệu linh hoạt khác nhau, bao gồm hệ thống bơm xi lanh và bơm áp suất cao. Hầu hết các hệ thống cấp liệu đều phù hợp với van MHV.

Lắp đặt tự do

Cấu trúc bên trong của dòng van định lượng MHV được thiết kế đặc biệt để hỗ trợ lắp đặt thuận tiện hơn. Hướng cổng nạp liệu của van có thể điều chỉnh linh hoạt, giúp tránh các kết nối ống dẫn phức tạp trong toàn bộ hệ thống.



Thông số kỹ thuật

Van đo lường MHV Series

Model	MHV1 221100	MHV3 221300
Phạm vi định lượng(cc)	0.01~1	0.03~3
Phạm vi áp suất chất lỏng đầu vào(MPa)	1~10	0.5~10
Áp suất cổng nạp khí(MPa)	0.3~1.0	
Kích thước cổng nạp khí	M5	
Kích thước cổng vào/ cổng ra chất lỏng	1/8"	
Tỷ lệ áp suất	9:1	3:1
Kích thước(mm)	32x32x200	
Khối lượng(g)	820	800
Vật liệu cấu tạo của bộ phận tiếp xúc với chất lỏng	Stainless steel, UHMWPE, NBR, PU, POM	

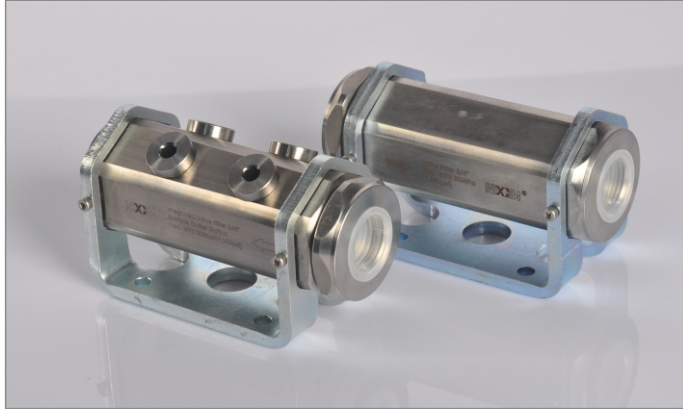


Phụ kiện
Xem trang tiếp theo



Phụ kiện

Bộ lọc, Đầu phun



Bộ lọc HP 3/4"

Thép không gỉ
Cổng vào/ ra 3/4"
Tối đa 30MPa

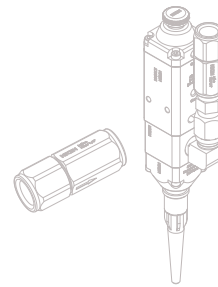
503030S #30
503060S #60
503100S #100



Bộ lọc HP 1/4"

Thép không gỉ
Cổng vào/ ra 1/4"
Tối đa 30MPa

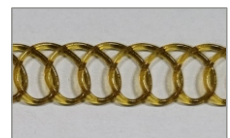
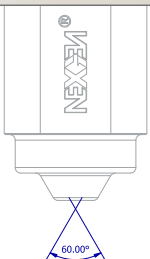
501030 #30
501060 #60
501080 #80
501100 #100
501150 #150
501200 #200
501300 #300



Thông số kỹ thuật

Bộ đầu phun Spiral & Spray có thể điều chỉnh

Model	Spiral & Spray Kit 109100
Phạm vi áp suất	0.1~1MPa
Kích thước lỗ phun	Đường kính 1~2mm
Kích thước cổng nạp khí	M5
Kích thước cổng vào chất lỏng	PT(f) 1/8"
Khối lượng(g)	90
Kích thước(mm)	26x26x43



Phụ kiện

APV, Van một chiều
Đầu nối kim phun, Đồng hồ áp suất



APV

406800 APV (Van xả tự động)

Hữu ích trong quá trình xử lý mỡ bôi trơn hoặc các vật liệu không đông rắn.



Van một chiều

Làm từ thép không gỉ và Tungsten Carbide

- 505300 1/2", 30MPa, Tungsten Carbide (0.25MPa)
- 505300A 1/2", 1MPa, UHMWPE (0.1MPa)
- 505100 1/4", 30MPa, Tungsten Carbide (0.4MPa)
- 505100A 1/4", 30MPa, Tungsten Carbide (0.1MPa)
- 505100B 1/4", 1MPa, PTFE (0.4MPa)



Đầu nối kim phun

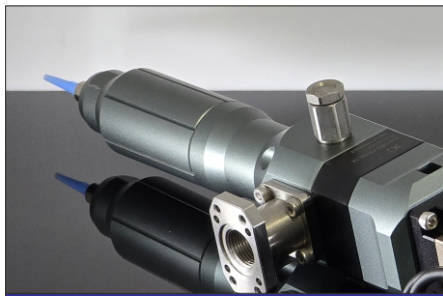
- 002201 Needle adapter 1/4", stainless steel
- 002202 Needle adapter 1/8", non-metallic
- 002203 Syringe adapter 1/4", stainless steel



Đồng hồ áp suất

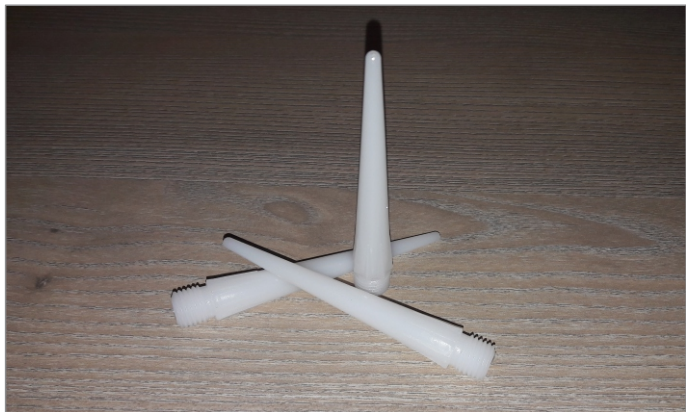
- 000141 1/4", 0~10bar
- 000142 1/4", 0~100bar
- 000144 1/4", 0~200bar
- 000143 1/4", 0~400bar





Phụ kiện

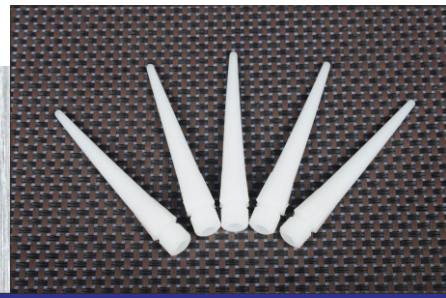
Đầu phun, kim phun



Đầu phun

002000 Đầu phun dùng một lần polyethylene mật độ cao 1/4"

Vòi phun TT	Mã sản phẩm	Màu sắc	Đường kính trong(mm)
	002310	Light Green	3.00(10G)
	002311	Light Orange	2.50(11G)
	002313	Light Blue	2.00(13G)
	002314	Olive Green	1.64(14G)
	002316	Gray	1.25(16G)
	002318	Green	0.90(18G)
	002320	Pink	0.60(20G)
	002322	Blue	0.42(22G)
	002325	Red	0.26(25G)
	002327	Transparent	0.21(27G)



Vòi phun PE+SST	Mã sản phẩm	Màu sắc	Đường kính trong(mm)
	012413	Clear	1.80(13G)
	012414	Olive Green	1.64(14G)
	012415	Amber	1.40(15G)
	012416	Gray	1.25(16G)
	012417	Amber	1.10(17G)
	012418	Green	0.90(18G)
	012419	Brown	0.72(19G)
	012420	Pink	0.60(20G)
	012421	Purple	0.52(21G)
	012422	Blue	0.42(22G)
	012423	Orange	0.34(23G)
	012424	Red	0.31(24G)
	012425	Scarlet	0.26(25G)
	012426	Apricot	0.25(26G)
	012427	Transparent	0.21(27G)
Vòi phun SST	Mã sản phẩm (25L)	Mã sản phẩm (50L)	Đường kính trong(mm)
	022508	032508	3.50(8G)
	022510	032510	3.2(10G)
	022511	032511	2.80(11G)
	022512	032512	2.20(12G)
	022513	032513	1.92(13G)
	022514	032514	1.64(14G)
	022515	032515	1.43(15G)
	022516	032516	1.25(16G)
	022517	032517	1.11(17G)
	022518		0.92(18G)
	022519		0.72(19G)
	022520		0.61(20G)
	022521		0.52(21G)
	022522		0.42(22G)
	022523		0.34(23G)
	022524		0.31(24G)

Hướng dẫn

Xử lý vật liệu

Thay đổi thể tích do áp suất.

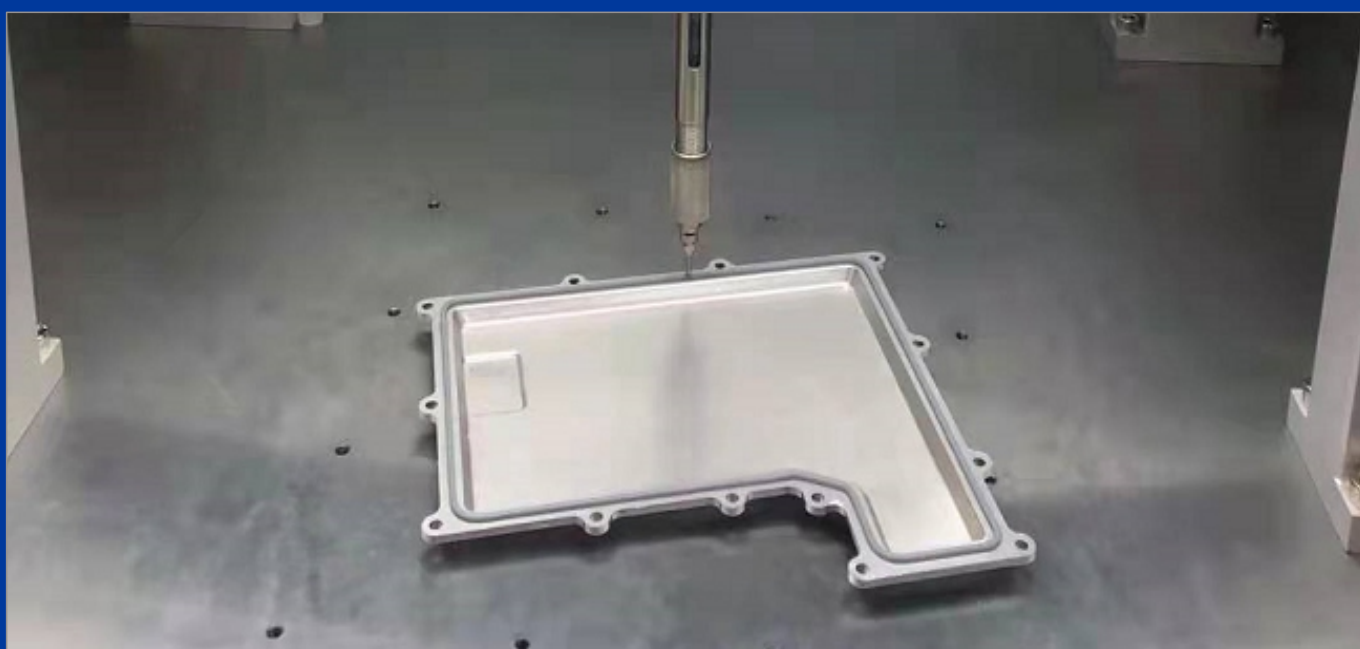
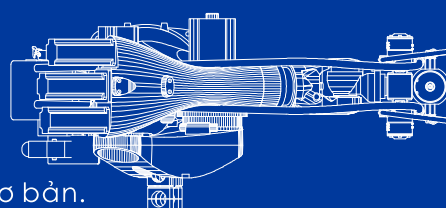
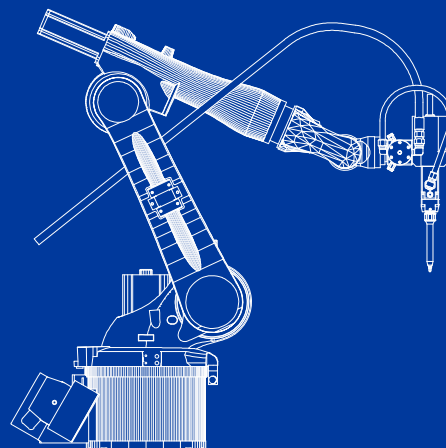
Tất cả vật liệu đều có thể tích khác nhau dưới trạng thái chịu áp suất. Để định lượng chính xác, cả thể tích và áp suất đều cần duy trì ở trạng thái ổn định cho mỗi chu kỳ hoạt động.

Hình thành bọt khí dưới điều kiện chân không.

Vật liệu có thể tự tạo ra bọt khí khi ở dưới tỉ lệ chân không quá mức hoặc khi thay đổi thể tích đột ngột. Nếu gặp phải tình huống này, hãy reset lại toàn bộ hệ thống xử lý vật liệu để nó hoạt động chậm rãi hơn.

Vấn đề vật liệu bị tách lớp.

Đặc biệt với các vật liệu dẫn nhiệt, hầu hết các hợp chất chứa chất độn(fillers) đều có tính chất, mật độ và trọng lượng riêng khác nhau trong hỗn hợp cơ bản. Chúng có thể dễ dàng bị tách lớp khi xử lý vật liệu dưới áp suất. Vấn đề này có thể dẫn đến những rắc rối nghiêm trọng hơn như tắc nghẽn đường ống, thường xuyên phải sửa chữa và bảo trì máy móc, hư hỏng thiết bị, khả năng dẫn nhiệt của vật liệu kém đi và không ổn định. Làm thế nào để duy trì ổn định? Chúng tôi, NEXGEN Project TST(Technical Support Team), sẽ hỗ trợ quy trình của bạn trở nên bền vững và hiệu quả hơn.



Hướng dẫn

Xử lý vật liệu

Keo RTV đóng rắn.

Về cơ bản, keo RTV phản ứng với độ ẩm rồi mới bắt đầu quá trình đóng rắn. Tất cả các bộ phận cấp liệu và phân phối vật liệu cần được giữ kín để ngăn chặn sự tiếp xúc với không khí có chứa độ ẩm. Tuy nhiên, không dễ để ngăn chặn hoàn toàn sự tiếp xúc này. Điều này liên quan đến thiết kế của tất cả các thành phần trong hệ thống, đòi hỏi kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm, cũng như cách thiết lập hệ thống mà không gây tắc nghẽn do vật liệu bị đóng rắn.

Thay thế ống dẫn vật liệu định kỳ như một phần của việc bảo trì.

Việc cung cấp vật liệu trong ống dẫn cần được thực hiện theo nguyên tắc FIFO (First In First Out). Tuy nhiên, đối với hầu hết các vật liệu có độ nhớt cao, tính chất của chúng có thể thay đổi bên trong ống dẫn theo thời gian, bởi vì tốc độ dòng chảy của vật liệu là hoàn toàn khác nhau giữa bề mặt ống và trung tâm ống, ngay cả khi mặt trong của ống được làm từ PTFE. Phần vật liệu có khả năng chảy kém ở phía thành ống có thể bị đóng rắn hoặc cứng lại theo thời gian. Và sau đó, các keo đã đóng rắn ở thành ống này sẽ ngày càng lớn hơn. Dần dần, tỷ lệ cung cấp vật liệu sẽ bị giảm nghiêm trọng, hoặc các hạt đã đóng rắn sẽ chảy vào các thành phần của hệ thống và gây ra vấn đề. Đó là lý do tại sao ống dẫn vật liệu cần được thay thế định kỳ.

Tách dầu.

Mỡ bôi trơn hoặc các vật liệu TIM thường được pha trộn với thành phần dầu. Một số loại mỡ có nguy cơ tách dầu bên trong hệ thống cấp liệu bằng áp suất. Thực tế, nguy cơ này xảy ra nghiêm trọng hơn tại các khu vực có sự chênh lệch áp suất. NEXGEN Project TST, chúng tôi có giải pháp tốt nhất để tránh những rủi ro này.



Hướng dẫn

Tính chất cơ học

Cách chọn bộ điều áp phù hợp trong hệ thống.

NEXGEN có nhiều bộ điều áp khác nhau như là các thành phần trong hệ thống cung cấp, đáp ứng các tính năng khác nhau như:

Van điều áp Kiểu Positive

Thường dùng kiểm soát giai đoạn 1

Phạm vi áp suất rộng hơn

Yêu cầu áp suất đầu vào đủ cao

Ngăn ngừa dòng chảy ngược

Áp suất giảm so với giá trị thiết lập

Van điều áp Kiểu Negative

Thường dùng kiểm soát giai đoạn 2

Thiết lập áp suất chính xác

Áp suất đầu vào cao hơn một chút

Không khả năng chống chảy ngược

Giữ áp suất như áp suất đã thiết lập

Downstream / Upstream trong hệ thống dispensing.

Cách bố trí các thành phần hệ thống cho quy trình phân phối thực tế.

Các ý tưởng sẽ hoàn toàn khác nhau tùy thuộc vào tính chất của keo,

vị trí các thành phần hệ thống thực tế,

yêu cầu chu kỳ quy trình, v.v.

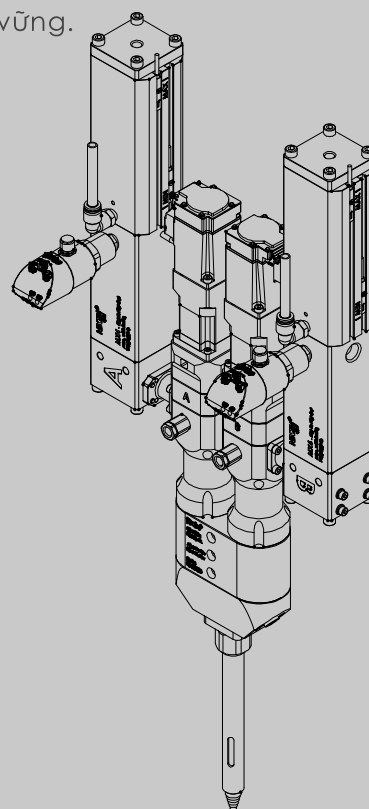
Liên hệ với NEXGEN Project TST kèm thông tin hệ thống.

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một hệ thống hoạt động hiệu quả và bền vững.

TDS / SDS của keo.

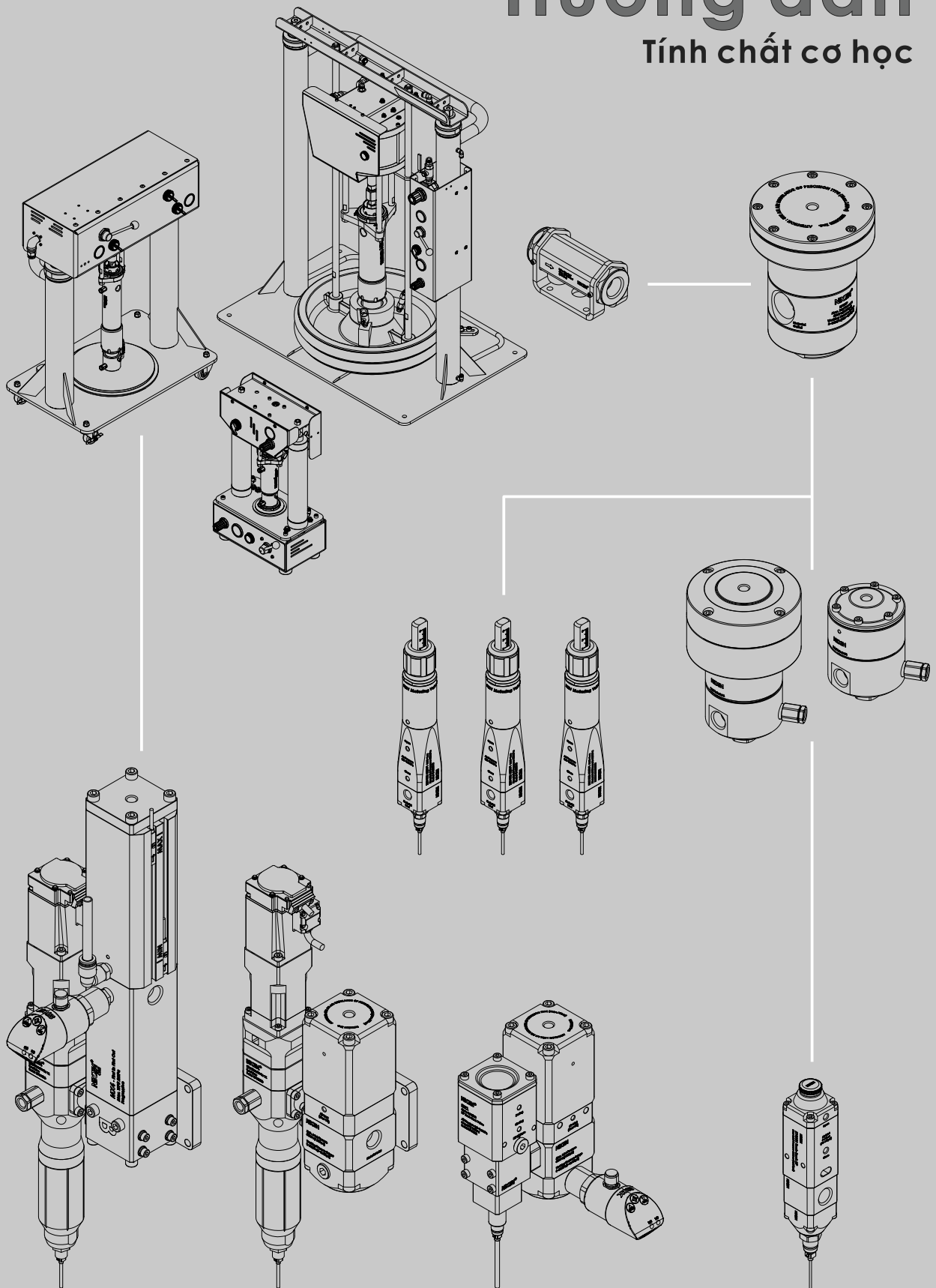
Yêu cầu quy trình.

Khoảng cách từ hệ thống cấp liệu tới vị trí phân phối.



Hướng dẫn

Tính chất cơ học



Nếu bạn cần thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với đội ngũ NEXGEN Project TST hoặc Nhà phân phối được ủy quyền tại địa phương. Chúng tôi sẽ hỗ trợ bạn tốt nhất bằng kinh nghiệm kỹ thuật và chuyên môn của chúng tôi.



Headquarters

NEXGEN Inc.

Add No.507, #17, Hasinjungang-ro 27beon-gil,
Saha-gu, Busan, Republic of Korea.

Tel +82-512661294

Fax +82-512651294

Email support@nexgen-inc.com

Web www.nexgen-inc.com

China Branch

Add Qingdao, Shandong Province, China.

Tel +86-532-81155628

Email china@nexgen-inc.com

Vietnam Office

Add Cau Giay Distric, Ha Noi City, Vienam.

Email xuan@nexgen-inc.com